

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HC-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Đình Long, bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HC ngày 27-5-2020, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HC ngày 01-9-2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: **Ông Hoàng Văn L**, sinh năm 1964, **Bà Lê Thị H**, sinh năm 1972, Địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

- Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân huyện D**, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ: Số 41 đường Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Nhật T**, chức vụ: Phó Chủ tịch(theo giấy ủy quyền số 25/UQ-UBND ngày 02/6/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: **Ông Nguyễn Việt H**, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Bà Đoàn Thị H**, sinh năm 1977, địa chỉ: số nhà 87, thôn 4, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

2. **Ông Lê Văn S**, sinh năm 1976 và **bà Bùi Thị T**, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

3. **Ông K’S**, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ: số nhà 349 đường P, phường 11, quận B, thành phố H.

(Ông L, bà H có mặt, các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2020, bản tự khai người khởi kiện ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H trình bày:**

Vào năm 2010, vợ chồng ông L, bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D diện tích đất 2.940m², đã trồng cà phê thuộc các thửa số 350 và thửa 268, tờ bản đồ số 40, 38 nay là thửa 307 tờ bản đồ số 57 với diện tích là 2.539,3m² theo số liệu đo đạc năm 2016, tại thôn 2, xã T, huyện D. Khi mua bán với ông D, hai bên chỉ mua bán bằng giấy viết tay, ông D lúc đó chưa được cấp GCNQSD đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông L, bà H sử dụng ổn định cho đến nay, không ai tranh chấp hay khiếu nại.

Đến năm 2016 theo chủ trương của Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc lại đất để cấp GCNQSD đất, vợ chồng ông bà là người chỉ và xác định ranh giới nay là thửa 307, tờ bản đồ số 57, diện tích là 2.539,3m², xã T.

Năm 2019, ông L, bà H lập hồ sơ để được cấp GCNQSD đất thì được biết phần diện tích của ông L, bà H đã được cấp trùng cho hai hộ. Một là hộ bà Đoàn Thị H, đối với thửa đất số 104 (40) số liệu cũ và số mới hiện nay là 324 (57) với diện tích là 2.937,1m²; bà H đã được cấp GCNQSD đất số R 255770 nay bà H đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T tại trang tư vào ngày 24/6/2013.

Hai là cấp trùng một phần lên đất ông K'B đối với thửa đất số 105 (40) nay là thửa 317 (57). Ông K'B đã chết và để lại thừa kế cho ông K'S và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014.

Do đó, vợ chồng ông L, bà H đề nghị Tòa án hủy các GCNQSD đất sau đề cơ quan nhà nước cấp lại GCNQSD đất đúng thực trạng đang sử dụng:

1. Hủy GCNQSD đất số R 255770 cấp cho hộ bà Đoàn Thị H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã sang tên tại trang tư cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T.

2. Hủy GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K'S ngày 14/9/2014

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện D trình bày:**

Theo hồ sơ địa chính được lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cung cấp, thể hiện:

- Hộ Đoàn Thị H được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 255770 cấp ngày 09/11/2000 tại thửa đất 104 (40) diện tích 4.968m² theo Quyết định số 978/QĐ-UB ngày 26/10/2000 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4258 QSDĐ.

Việc cấp mới GCN QSDĐ cho hộ Đoàn Thị H được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993.

Năm 2013, ông Nhâm Hữu B và bà H chuyển nhượng cho ông Lê Văn S và bà Bùi Thị T. Hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện tại Văn phòng công chứng huyện D tại hợp đồng số 2549 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD. Hiện nay đã được đăng ký biến động sang tên cho ông Lê Văn S và bà Bùi Thị T.

- Hộ K'B được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 177374 cấp ngày 01/6/1998 tại thửa đất 105(40) diện tích 3.030m² và một số thửa đất khác theo Quyết định số 570/QĐ-UB ngày 01/6/1998 của UBND huyện D; Vào sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 641 QSDĐ.

Việc cấp mới GCN QSDĐ cho hộ K'B được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993.

Năm 2000, bà Ka D (*là vợ ông K'B, là thành viên hộ gia đình K'B*) mất theo Giấy chứng tử số 28 quyền 1 ngày 05/8/2014. Đến năm 2014 hộ gia đình K'B phân chia tài sản thừa kế, trong đó thửa 105 (40) được phân chia cho ông K'S, việc phân chia thể hiện tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã T công chứng số 31 quyền 1/2014/CC-SCT/HĐGD ngày 21/8/2014.

Sau khi hoàn thiện thủ tục thừa kế, ông K'S nộp đơn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện D cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013705, cấp ngày 14/9/2014, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 07872.

Từ kết quả kiểm tra như trên; Căn cứ vào Luật đất đai năm 1993 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn thực hiện cấp mới GCNQSDĐ số R255770 tại thửa đất 104 (40) cho hộ Đoàn Thị H được thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật.

- Tại thời điểm năm 1998 và năm 2000 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện thông qua việc xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất.

- Tại Quyết định số 978/QĐ-UB ngày 26/2000 của UBND huyện D thể hiện có 450 hộ gia đình, tại danh sách kèm theo ghi tên của chủ hộ là Đoàn Thị H, không thể hiện tên và năm sinh của các thành viên hộ gia đình bà H khi được cấp GCNQSDĐ.

- Tại Quyết định số 570/QĐ-UB ngày 01/6/1998 của UBND huyện D thể hiện có 450 hộ gia đình, tại danh sách kèm theo ghi tên của chủ hộ là K'B, không thể hiện tên và năm sinh của các thành viên hộ gia đình ông K'B khi được cấp GCNQSDĐ.

- Hồ sơ địa chính lưu trữ tại Chi Nhánh VP ĐKĐĐ huyện D không có đơn xin cấp giấy của bà H cũng như đơn của ông K'B, không có biên bản xác minh hiện trạng thửa đất trước khi cấp GCNQSDĐ.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn thực hiện hồ sơ sang nhượng thửa 104 (40) từ gia đình bà H cho ông Lê Văn S và bà Bùi Thị T và hồ sơ thừa kế thửa 105 (40) từ hộ gia đình ông K'B sang cho ông K'S được thực hiện đúng qui định và đã cập nhật, chỉnh lý vào hồ sơ địa chính.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sử dụng đất đã thực hiện sang tên, chuyển quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý đăng ký biến động, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, chỉnh lý trên trang bìa các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó việc người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 255770 và BV 013705, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét xử lý theo thẩm quyền.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn D trình bày:***

Năm 2010, ông D có bán cho vợ chồng ông L, bà H ở thôn 2, xã T 01 lô đất, từ khi sử dụng cho đến lúc chuyển nhượng không hề tranh chấp với ai. Khi mua bán chỉ có giấy tờ viết tay.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nhâm Hữu B, bà H trình bày:***

Phần diện tích đất gia đình bán cho ông S, bà T có nguồn gốc là mua lại của ông K'B1. Khi nhận chuyển nhượng và tới lúc sang lại, không xảy ra tranh chấp với ai, ranh giới sử dụng ổn định rõ ràng. Với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T trình bày:***

Phần diện tích mà gia đình ông bà được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc mua từ bà H khoảng năm 2015. Khi mua và sử dụng cho đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai. Với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông K'S, bà M trình bày:***

Phần diện tích mà gia đình ông bà được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc nhận thừa kế từ bố là ông K'B (đã chết). Gia đình đã được cấp GCNQSDĐ mới. Từ khi sử dụng cho đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai, ranh giới giữa các hộ liền kề rõ ràng. Với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện ông L, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chấp nhận hủy GCNQSD đất của hộ bà H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T và GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K'S ngày 14/9/2014 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo thực trạng đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy GCNQSD đất số R255770 cấp cho hộ bà H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã chuyển nhượng, sang tên tại trang tư cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T và GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K'S ngày 14/9/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Diện, bà H, ông S, bà Tâm, ông K'S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch T; tại biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2020, ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T trình bày hiện đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 255770 do UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch T. Tuy nhiên, tại công văn ngày 10/9/2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch T thể hiện ông S, bà Tâm đã tắt toán khoản vay liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, xét thấy Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền*: Người khởi kiện ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H cho rằng vào tháng 02 năm 2020, sau khi nhận được công văn số 334/UBND-TD ngày 26/2/2020 của UBND huyện D trả lời rằng diện tích đất gia đình đang sử dụng, UBND huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'S và một phần thửa đất cho bà H. Đến năm 2014,

GCNQSDĐ được cấp cho ông K'B để lại thừa kế cho ông K'S và năm 2013, bà H chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T. Nay ông L, bà H yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất của hộ bà H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T và GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K'S ngày 14/9/2014 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo thực trạng đang sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng Hành chính; xác định đối tượng "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*" (yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật; căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu giải quyết.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện:

[3.1] Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất, trích lục họa đồ (*Bút lục 163-165*) thể hiện:

Phần diện tích đất của ông L, bà H đang sử dụng là thửa 307, tờ bản đồ số 57 (bản đồ đo đạc năm 2016) có diện tích khoảng 2.539,3 m². Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần diện tích đất của ông K'B2. Phía nam giáp với phần diện tích của ông K'S. Phía đông giáp suối. Phía Tây giáp với quốc lộ 28.

Hiện trạng trên đất, phía trước giáp quốc lộ 28 có căn nhà tạm bằng gỗ lợp tôn khoảng 30 m² đang dùng buôn bán tạp hóa. Phía sau trồng toàn bộ cây cà phê có độ tuổi hơn 20 năm. Ranh giới đất rõ ràng với các hộ liền kề, sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp.

[3.2] Kết quả đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ phù hợp với lời khai của người kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Qua kiểm tra, tại biên bản làm việc của UBND xã T ngày 13/11/2019, báo cáo số 64/BC-UBND ngày 21/11/2019 (BL 161-162):

Ông Hoàng Văn L hiện đang quản lý và sử dụng thửa đất số 307 tờ bản đồ 57 (bản đồ đo đạc năm 2016) diện tích 2.539,3 m². Hiện trạng: nhà ở cấp 4, cà phê.

Nguồn gốc sử dụng đất: năm 1986 ông K'B3 khai phá, đến năm 1999 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D. Năm 2010, ông D chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn L. Ông L làm nhà, sử dụng ổn định cho đến nay.

Lồng ghép giữa 2 hệ thống bản đồ: có sự chênh lệch rất lớn về vị trí, hình thể cũng như diện tích của các thửa đất với nhau cho nên UBND xã tiến hành đo đạc, xác định điểm cứng giữa 2 hệ thống bản đồ.

Kết quả như sau:

+ Thửa đất số 307 tờ bản đồ 57 (bản đồ đo đạc năm 2016) diện tích 2.539,5 m² thuộc phần thửa 104(40) + phần thửa 105(40) + phần thửa 112(40).

+ Thửa 104(40) diện tích 4.968 m² được UBND huyện D cấp GCN ngày 4/11/2000 cho bà H. Đến năm 2013, bà H chuyển nhượng lô đất trên cho ông Lê Văn S.

+ Thửa 105(40) diện tích 3.030 m² được UBND huyện D cấp GCN cho ông K'B. Đến năm 2014, ông K'S nhận thừa kế.

+ Thửa 112(40) mục kê cũ thể hiện đất hoang và chưa được cấp GCN.

+ Sau khi đo đạc, tính toán diện tích thửa đất ông Lê Văn S đang sử dụng diện tích 2.937,1 m², trong khi diện tích cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Văn S 4.968 m² (chưa tính lộ giới 45 m). Diện tích ông K'S đang sử dụng là 3.270,5 m², trong khi diện tích cấp GCN cho K' Sêu 3.030 m² (chưa tính lộ giới 45 m).

Do đó, giấy chứng nhận cấp cho ông Lê Văn S và ông K'S trùng lên đất ông Hoàng Văn L đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, hai giấy chứng nhận đã cấp đều đã chuyển quyền quyền sử dụng đất.

Diện tích các thửa đất trên đã được các chủ sử dụng đất thực hiện chuyển nhượng nên căn cứ khoản 2, Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 6, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên chỉ được thực hiện khi có Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án.

[3.3] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định việc UBND huyện D cấp GCNQSD đất cho bà H nay đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T và GCNQSD cấp cho ông K'S là trái quy định của pháp luật, vì cấp sai vị trí trùng lên phần diện tích đất do ông L, bà H đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, các thửa đất nêu trên đã được chuyển nhượng qua các chủ sử dụng khác nhau, nên việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất của ông L, bà H chỉ được thực hiện khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H. Tuyên hủy GCNQSD đất số R255770 cấp cho hộ bà H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã sang tên tại trang tư cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T và GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K'S ngày 14/9/2014 để cấp lại đúng thực trạng đang sử dụng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H; ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T; ông K'S liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

[3.4] Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ; nộp tạm ứng chi phí số tiền 4.811.000đ (*bốn triệu tám trăm mười một nghìn đồng*). Ông Hoàng Văn L, bà

Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã được quyết toán xong nên phần Quyết định không cần đề cập.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả cho ông H, bà L số tiền nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348; Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”(yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). ”.

- Hủy GCNQSD đất số R 255770 cấp cho hộ bà H được UBND huyện D cấp ngày 14/9/2014 nay đã sang tên tại trang tư cho ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T.

- Hủy GCNQSD đất số BV 013705 do UBND huyện D cấp cho ông K’S ngày 14/9/2014.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H; ông Lê Văn S, bà Bùi Thị T; ông K’S liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính theo biên lai thu số 0001981 ngày 17/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

